

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 153/2026/HC-PT

Ngày: 05/03/2026

V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý nhà nước trong lĩnh
vực đất đai thuộc trường hợp thu hồi
đất, bồi thường, hỗ trợ GPMB”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Trần Thị Thúy Hồng

2/ Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Yên Xuân, Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án
nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huệ, Kiểm sát viên cao
cấp Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 05 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ
lý số 194/2025/TLPT-HC ngày 07/10/2025, về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp thu hồi đất, bồi
thường, hỗ trợ GPMB*”, giữa các bên đương sự:

Người khởi kiện: Bà **Trần Hoa S**, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ D, ấp B, xã H,
thành phố P, tỉnh Kiên Giang (Có mặt); Người bảo vệ quyền và lợi ích của bà Trần
Hoa S: Luật sư Nguyễn Tấn T, thuộc Văn phòng L2, Đoàn luật sư Thành phố H
(Có mặt).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện:

**1/ Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang là Ủy ban nhân dân
Đ, tỉnh An Giang;** Địa chỉ: Số D đường C, khu phố B, phường D, thành phố P,
tỉnh Kiên Giang; Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Quang H, Chủ tịch;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Quốc T1, Phó Chủ tịch (Có mặt);

Người bảo vệ quyền lợi: Ông Trần Quang L, Phó Trưởng Ban bồi thường, hỗ trợ, GPMB, tái định cư (Có mặt).

2/ Ủy ban nhân dân tỉnh K nay là Ủy ban nhân dân tỉnh A; Địa chỉ: Số F đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Minh T2, Chủ tịch (Vắng mặt); Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh P, Phó Chủ tịch (Vắng mặt); Người bảo vệ quyền lợi: Ông Quách Văn T3, Phó giám đốc Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh K (Xin vắng mặt).

3/ Ban Q: Địa chỉ: Số A đường N, khu phố E, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T4, Trưởng ban (Xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty Cổ phần T6; Địa chỉ: Tổ A, ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Quốc K, Giám đốc (Vắng mặt); Người đại diện theo ủy quyền: Bà Sầm Việt T5.

Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là đặc khu P, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của phía nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Hoa S có diện tích đất 3.815m², đo đạc thực tế là 4.746,4m², thuộc thửa số 115, tờ bản đồ số 60, tọa lạc tại ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, có nguồn gốc là do ông Nguyễn Văn S1 khai phá năm 1992 sử dụng ổn định, liên tục, không tranh chấp. Năm 2002 ông S1 chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị L1 (giấy sang nhượng đất hoa màu đề ngày 19/9/2002). Năm 2007 bà L1 chuyển nhượng lại cho bà S với số tiền 300.000.000 đồng (Hợp đồng sang đất đề ngày 08/9/2007 có xác nhận Trưởng ban ấp S là ông Nguyễn Văn M). Sau khi nhận chuyển nhượng, bà S tiếp tục sử dụng ổn định, không tranh chấp cho đến nay.

Ngày 17/12/2018 bà S nhận được thông tin về việc cưỡng chế buộc bà S giao thửa đất trên, nên đã làm đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân (UBND) huyện (nay là thành phố) P và Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P.

Ngày 25/02/2019 Phòng T mời làm việc, bà S mới biết được phần đất 4.746,4m² đã bị thu hồi đất, quyết định bồi thường, quyết định cưỡng chế thu hồi đất. Theo đó, bà S có yêu cầu được triển khai, giao nhận các quyết định, nhưng không được nhận bất kỳ quyết định nào.

Một thời gian sau, bà S nhận được bản photo Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 16/6/2010 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư nạo vét, mở rộng R, xây dựng cảng – kho bãi vật liệu xây dựng, khu tiểu thủ công nghiệp và du lịch hậu cần cảng tại ấp S, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Còn các quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thì không có.

Bà S xác định: Bà S là người nhận chuyển nhượng và sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất 4.746,4m², trường hợp thu hồi đất thì phải ban hành quyết định thu hồi đất, nhưng chỉ ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ là sai quy định.

Bà S yêu cầu giải quyết: Hủy Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 16/6/2010 của UBND huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư nạo vét, mở rộng R, xây dựng cảng – kho bãi vật liệu xây dựng, khu tiểu thủ công nghiệp và du lịch hậu cần cảng tại ấp S, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang cho bà S.

Quá trình giải quyết vụ kiện tại Tòa án, Công ty Cổ phần T6 có cung cấp Quyết định số 50/QĐ-BQLKTPQ ngày 26/5/2014 của Ban Q và Giấy chứng nhận quyền sử dụng (CNQSD) đất số CT 10578 do UBND tỉnh K cấp ngày 15/6/2017 cho Công ty Cổ phần T6, nên bà S khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy quyết định giao đất và giấy CNQSD đất này.

Tại Công văn số 479/UBND-NCPC ngày 04/6/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày:

Ngày 13/8/2008, UBND tỉnh K ban hành quyết định số 1897/QĐ-UBND về việc phê duyệt tổng thể bồi thường khu vực Công ty Cổ phần T6 đầu tư nạo vét, mở rộng rạch Cầu S, xây dựng cảng – kho bãi vật liệu xây dựng, khu tiểu thủ công nghiệp và khu dịch vụ hậu cần cảng tại khu vực rạch C, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 13/4/2009, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 920/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực V, huyện P, tỉnh Kiên Giang, quy mô 305ha, tỉ lệ 1/500.

Ngày 14/4/2009, tại Biên bản xác minh nguồn gốc đất của UBND xã D xét duyệt nguồn gốc đất của bà Trần Hoa S như sau: Diện tích 4.747m² có nguồn gốc là do ông Nguyễn Văn S1 khai phá năm 1993 sau đó sang nhượng lại cho bà L1 năm 2003, sau đó bà L1 sang nhượng lại cho bà S đến nay. Đất của ông Nguyễn Văn S1 có Quyết định thu hồi số 1986/QĐ-UB diện tích 3.187m².

Ngày 21/5/2010, UBND huyện P ban hành Quyết định số 1069/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư nạo vét, mở rộng rạch Cầu S, xây dựng cảng – kho bãi vật liệu xây dựng, khu tiểu thủ công nghiệp và khu dịch vụ hậu cần cảng tại khu vực rạch C, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Trong đó có phần diện tích đất 4.747m² của bà Trần Hoa S.

Ngày 16/6/2010, UBND huyện P ban hành Quyết định số 1568/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Trần Hoa S số tiền 345.786.400 đồng. Trong đó: Đất đai được hỗ trợ 70% đối với diện tích đất 4.747m² với số tiền 299.061.000 đồng; Hoa màu với số tiền 46.350.000 đồng; Vật kiến trúc với số tiền 375.400 đồng. Tuy nhiên, đến nay bà S không nhận quyết định.

Xét thấy, Quyết định số 1568/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện P đối với bà Trần Hoa S là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh K về việc ban hành chính sách hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện P, tỉnh Kiên Giang. Từ cơ sở trên, UBND thành phố P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hoa S.

Tại văn bản số 603/UBND-NC ngày 25/4/2022 Ủy ban nhân tỉnh Kiên Giang trả lời liên quan đến nội dung vụ kiện như sau:

Công ty Cổ phần T6 được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo Quyết định số 50/QĐ-BQLPTPQ ngày 26/5/2014 của Ban Q với tổng diện tích 257.443,9m², công ty đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính. Đến ngày 15/6/2017 UBND tỉnh K cấp giấy CNQSD đất cho Công ty Cổ phần T6 số CI 590233 với diện tích 2.045m². Việc cấp giấy CNQSD đất là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai năm 2013, nên việc bà S yêu cầu hủy giấy CNQSD đất là không có cơ sở.

Tại văn bản số 524/BQLKKPQ-ĐĐ&XD ngày 07/4/2022 của Ban Q trả lời liên quan đến vụ kiện như sau:

Theo Quyết định số 2394/QĐ-UBND ngày 06/10/2008 của UBND tỉnh K về việc ban hành quy chế phối hợp giữa Ban Q với các cơ quan ban ngành cấp tỉnh và huyện P quy định:

Sở T7 có trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh ra quyết định thu hồi đất và giao đất cho Ban Q đối với các khu chức năng theo Quyết định số 1197/QĐ-TTg ngày 09/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch chung xây dựng đảo P đến năm 2020.

Ban Q tiếp nhận, thẩm định và quyết định việc giao lại đất có thu tiền sử dụng đất hoặc không thu tiền sử dụng đất; cho thuê đất, mặt nước đối với các dự án thuộc phân khu chức năng của Ban Quản lý cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất.

UBND thành phố P chủ trì phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh, Ban Q1 và tổ chức việc bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất, mặt nước đã được UBND tỉnh thu hồi giao cho Ban Quản lý để giao lại đất, cho thuê đất theo thẩm quyền.

Trên cơ sở quyết định này, UBND tỉnh K ban hành Quyết định 1789/QĐ-UBND ngày 28/7/2009 về việc giao đất cho Ban Q (nay là Ban Q) để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, thực hiện quy hoạch xây dựng dự án nạo vét, mở rộng rạch Cầu S, xây dựng cảng.....có nội dung:

UBND huyện P phối hợp với Ban Quản lý cùng với các ngành có liên quan thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư; quyết định thu hồi đất; tổ chức việc bồi thường, giải phóng mặt bằng; ban giao đất.

Ban Q quản lý chặt chẽ diện tích đã được bàn giao; thực hiện việc giao đất, cho thuê đất cho nhà đầu tư theo quy định.

Ngày 26/5/2014 Ban Q ban hành Quyết định số 50/QĐ-BQLPTPQ giao diện tích 257.443,9m² cho nhà đầu tư Công ty Cổ phần T6. Việc quyết định giao, thuê đất cho dự án theo phương án bồi thường phê duyệt; sau đó bàn giao đất trên thực địa cho nhà đầu tư theo tiến độ bồi thường giải phóng.

Theo các Báo cáo số 106/BC-CNTTPTQĐ ngày 04/6/2014 và số 59/BC-CNTTPTQĐ ngày 13/5/2016 của Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P việc chi trả và tái định cư, giải phóng mặt bằng xong, đồng thời bàn giao mặt bằng cho Ban Quản lý tại Biên bản số 57/BB-BQLPTPQ ngày 10/6/2014 và Biên bản số 66/BB-BQLPTPQ ngày 09/6/2016 quản lý. Ban Quản lý đã giao đất cho Công ty Cổ phần T6 triển khai thực hiện dự án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần T6:

Đối với Công ty Cổ phần T6 không có văn bản nêu ý kiến về nội dung khởi kiện vụ án, nhưng qua giải quyết vụ kiện, phía công ty T8 diện tích đất 4.747m² do bà Trần Hoa S khởi kiện tọa lạc tại ấp S, xã D, thành phố P hiện nay đang do công ty quản lý, sử dụng, đất này được Ban Q giao theo Quyết định số 50/QĐ-BQLPTPQ ngày 26/5/2014 và đã được UBND tỉnh K cấp giấy CNQSD đất ngày 15/6/2017 thuộc thửa số 319, tờ bản đồ số 60, diện tích 2.045m² sau khi thực hiện

xong nghĩa vụ tài chính. Diện tích 2.702m² còn lại là phần nạo vét phục vụ cho việc neo đậu tàu cá.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 116/2025/HC-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân tỉnh An Giang), đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hoa S.

Hủy Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 16/6/2010 của Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Phú Quốc về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư nạo vét, mở rộng R, xây dựng cảng – kho bãi vật liệu xây dựng, khu tiêu thụ công nghiệp và du lịch hậu cần cảng tại ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Hủy một phần Quyết định số 50/QĐ-BQLTPQ ngày 26/5/2014 của Ban Q (nay là Ban Q) về việc giao đất cho Công ty Cổ phần T6 tại ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang về việc sử dụng vào mục đích xây dựng kết cấu hạ tầng khu phức hợp Vịnh Đầm (đối với phần diện tích 4.747m² đất của bà Trần Hoa S).

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 590233, số vào sổ cấp GCN: CT10587 do Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp ngày 15/6/2017 cho Công ty Cổ phần T6.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công cụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề về án phí, quyền kháng cáo theo Luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang làm đơn kháng cáo, yêu cầu bác đơn khởi kiện của bà Trần Hoa S.

Tại Bản án Hành chính phúc thẩm số 506/2023/HC-PT ngày 07/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

Bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị số 05/QĐ-VKS-HC ngày 29/4/2025 của Viện trưởng VKSND tối cao, có nội dung:

Đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án Hành chính phúc thẩm 506/2023/HC-PT ngày

07/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giao hồ sơ cho Tòa án cấp phúc thẩm xét xử phúc thẩm lại theo quy định pháp luật.

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 26/2022/HC-GĐT ngày 07/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

Chấp nhận kháng nghị số 05/QĐ-VKS-HC ngày 29/4/2025 của Viện trưởng VKSND tối cao; Hủy Bản án Hành chính phúc thẩm 506/2023/HC-PT ngày 07/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giao hồ sơ cho Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại thành phố Hồ chí Minh xét xử phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm cũng như bản án phúc thẩm đã xét xử trước đây.

Luật sư bảo vệ cho phía bà S giữ nguyên quan điểm như đã bảo vệ ở các phiên tòa phúc thẩm lần trước, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Hoa S.

Phía người bị kiện thì trình bày, đồng ý với quyết định giám đốc thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía bà Hoa S.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần T6, đề nghị sớm giải quyết vụ án để công ty thực hiện quyền nghĩa vụ của mình trong dự án theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát cấp phúc thẩm cho rằng, quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đầy đủ quyền của mình theo luật định. Về nội dung, Viện kiểm sát đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của phía người bị kiện, không chấp nhận khởi kiện của phía bà Hoa S, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa nghe đương sự trình bày và nghe Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục kháng cáo:* Đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P (nay Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang) làm trong hạn luật định, nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] *Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:*

[2.1] Ngày 16 tháng 6 năm 2010, Ủy ban nhân dân huyện P đã ban hành Quyết định 1568/QĐ-UBND về việc bồi thường hỗ trợ tái định cư cho bà Hoa S, với tổng số tiền là 345.786.400 đồng, bao gồm tiền bồi thường về đất đai là 299.061.000 đồng, hoa màu là 46.350.000 đồng, vật kiến trúc khác là 375.400 đồng, không hỗ trợ về đất đai, di dời và tiền thuê nhà.

Theo hồ sơ thể hiện nguồn gốc diện tích đất là 3.814m², khi đo thực tế là 4.747m², tọa lạc tại tổ F ấp S, xã D

Theo người khởi kiện trình bày thì đất này là do gia đình ông S1 khai phá vào khoảng năm 2000. Theo Quyết định 2163/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 1998, Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc giao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Q, nay là Vườn Quốc gia P, toàn bộ diện tích đất trên nằm trong diện tích 33.307,8 hecta loại đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng do ban Q quản lý.

Đến ngày 15 tháng 10 năm 2003, Ủy ban huyện P đã ban hành Quyết định 1986/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 3.814m² đất của ông S1, giao toàn bộ diện tích trên cho Ủy ban nhân dân xã D và ban Q quản lý.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 116/2022/HCST ngày 2 tháng 8 năm 2022 và Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh số 506/HC-PT ngày 5 tháng 7 năm 2023 đã nhận định, diện tích 4.747m² đất bà S đã sử dụng có nguồn gốc do ông S1 khai phá từ năm 1993, trước thời điểm Ủy ban tỉnh K ban hành quyết định 2163/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 1998, Ủy ban tỉnh K đã giao đất cho Ủy ban xã D và Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Q vào ngày 15 tháng 10 năm 2003 theo Quyết định 1986/QĐ-UBND. Việc giao đất trên cho Ban Q nay là ban Q và giao đất cho công ty cổ phần T6 để làm dự án.

Bản án sơ thẩm và phúc thẩm nhận định khi giao đất cho Ban Q nay là ban Q và giao đất cho công ty cổ phần T6 để làm dự án khi chưa có quyết định thu hồi đất đối với ông S1 và bà S là trái quy định pháp luật quy định tại Điều 32 Luật Đất đai năm 2003.

Trước khi giao đất cho ban quản lý rừng thì Ủy ban các cấp cũng không đăng ký kê khai, không quản lý sử dụng đất, không có cơ sở để xác định ông S1 lấn chiếm theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai, xác định đủ điều kiện bồi thường khi nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP, để từ đó, hủy Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban huyện P và hủy một phần Quyết định 50/QĐ-BQLĐTPT ngày 26 tháng 5 năm

2014 của Ban Q, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất số CI 590233 vào sổ số CT 10587 do Ủy ban tỉnh K cấp ngày 15 tháng 6 năm 2017 cho công ty cổ phần T6 sử dụng.

Sau đó thì bản án giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân tối cao đã nhận định rằng bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm đã hủy đối với các Quyết định hành chính nêu trên là chưa đúng với quy định của pháp luật, nên bản án giám đốc thẩm đã hủy bản án phúc thẩm và chuyển giao về cho cấp phúc thẩm giải quyết lại.

Tại cấp phúc thẩm, các bên đương sự đều xác định có Quyết định 1986/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2003. Tòa án cấp phúc thẩm đã yêu cầu thực hiện việc cung cấp Quyết định cũng như các tài liệu liên quan đến Quyết định 1986/QĐ-UBND nêu trên. Tuy nhiên, đến nay phía Ủy ban không thu thập và đương sự cũng không cung cấp được.

[2.2] Xét thấy, Quyết định 1986/QĐ-UBND là Quyết định hành chính có liên quan trực tiếp đến quyết định bị khởi kiện, nên đây cũng là đối tượng cần được xem xét giải quyết theo luật định. Tòa án cấp sơ thẩm đã không đưa Quyết định hành chính 1986/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban nhân dân huyện P vào xem xét là chưa đúng với quy định của pháp luật.

Do cấp phúc thẩm không có điều kiện để thu thập các tài liệu, chứng cứ liên quan đến đối tượng giải quyết vụ án nêu trên, do vậy cần phải hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[3] *Về án phí và lệ phí của Tòa án:* Do hủy án sơ thẩm nên vấn đề này sẽ được giải quyết lại khi cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết lại vụ án theo luật định.

[4] *Về án phí hành chính phúc thẩm:* Ủy ban nhân dân thành phố P (nay Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang) không phải chịu, hoàn lại cho Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí kháng cáo, theo Biên lai thu số 0001984 ngày 20/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (nay là Thi hành án Dân sự tỉnh A).

Bởi các lẽ trên. Căn cứ Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Hủy Bản án sơ thẩm số 116/2022/HC-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân tỉnh An Giang). Chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo quy định của pháp luật.

2/ Về án phí hành chính sơ thẩm và các chi phí tố tụng: Sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án.

3/ Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố P (nay Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang) không phải chịu, hoàn lại cho Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí kháng cáo, theo Biên lai thu số 0001984 ngày 20/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (nay là Thi hành án Dân sự tỉnh A).

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao.
- VCT và KSXXPT tại Tp. HCM.
- VKSND tỉnh An Giang.
- TAND tỉnh An Giang.
- THADS tỉnh An Giang.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu VP; HS vụ án.
- TK: Vũ Ngọc Yến Xuân.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HOÀNG TẤN